

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng
- Ông Nguyễn Văn Út

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lữ Thị Thu T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp A xã P huyện C tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1980

Địa chỉ: ấp A xã P huyện C tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lữ Thị Thu T trình bày:

Do quen biết nên bà và ông Nguyễn Văn Q đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 09/11/2005. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà trọ sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sống được một khoảng thời gian, bà và ông Q về ấp 1 xã P huyện C tỉnh

Long An cất nhà và ở từ đó tới nay. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Ông Q thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo nhà cửa, con cái. Bà đã nhiều lần khuyên nhưng vẫn không thay đổi, không phụ giúp kinh tế để nuôi con. Hiện bà và ông Q còn sống chung nhưng vợ chồng không còn tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn yêu thương ông Q nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: có 02 con Nguyễn Văn T1, sinh ngày 23/02/2006 (đã trưởng thành) và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 21/8/2017, hiện đang sống với vợ chồng bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc con chung là cháu L, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q vắng mặt, không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Nguyễn Văn Q vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Mỹ Vi – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Lữ Thị Thu T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q. Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Văn T1, sinh ngày 23/02/2006 (đã trưởng thành) và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 21/8/2017, giao cháu Nguyễn Tấn L cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Ông Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Chứng cứ mà bà Lữ Thị Thu T cung cấp trong vụ án là: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao CCCD của bà T, ông Q, bản sao giấy khai sinh con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lữ Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Q. Ông Q cư trú tại xã P huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Lữ Thị Thu T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản xác minh của Công an xã P xác nhận ông Nguyễn Văn Q có đăng ký thường trú tại xã P, huyện C hiện có mặt tại địa phương. Do đó Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Q, ông Q đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt đương sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, thấy rằng: bà T và ông Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/11/2005 nên hôn nhân của bà T và ông Q là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Ông Q thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo nhà cửa, con cái. Bà đã nhiều lần khuyên nhưng vẫn không thay đổi, không phụ giúp kinh tế để nuôi con. Hiện tại bà T và ông Q vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai.

Về phía ông Q, từ khi bà T nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T nhưng ông Q cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông Q không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà T đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp.

[3] Về con chung: bà T và ông Q có 02 con chung Nguyễn Văn T1, sinh ngày 23/02/2006 (đã trưởng thành) nên Hội đồng xét xử không xem xét và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 21/8/2017. Về con chung sau khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu L đang sống chung với bà T, cuộc sống ổn định, phát triển bình thường. Ông Q đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu nuôi con của bà T nhưng không có ý kiến phản hồi gì mặc khác cháu L thể hiện nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn là được sống chung với mẹ. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Tấn L cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: bà Lữ Thị Thu T không yêu cầu ông Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con do đó ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: bà Lữ Thị Thu T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà Lữ Thị Thu T trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Lữ Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị Thu T về việc "Ly hôn" với ông Nguyễn Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lữ Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 23/02/2006 (đã trưởng thành) và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 21/8/2017. Giao con chung tên Nguyễn Tấn L cho bà Lữ Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Lữ Thị Thu T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018349 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Bà Lữ Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Lữ Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Q vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm